

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Thanh Huyền

**KINH NGHIỆM XỬ LÝ NỢ XẤU NGÂN HÀNG
CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG Á VÀ BÀI HỌC CHO
VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế

Mã số: 9.31.01.06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại: Học viện khoa học xã hội, Viện
Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lê Hoàng Nga
TS. Tô Ánh Dương

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Như Bình

Phản biện 2: PGS.TS. Trịnh Thị Hoa Mai

Phản biện 3: PGS.TS. Bùi Quang Tuấn

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện họp tại

.....
vào hồi.....giờ.....phút,
ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kinh tế Việt Nam đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc trong những năm trở lại đây, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng vẫn dưới mức kỳ vọng mà một trong những tác nhân chính là vấn đề nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM). Nợ xấu ngân hàng đang được coi là “nút thắt cổ chai”, kìm hãm tăng trưởng và phục hồi kinh tế.

Việt Nam đang trong quá trình tái cơ cấu kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng trong điều kiện hệ thống ngân hàng yếu kém và gặp nhiều khó khăn về ngân sách; trong khi đang hội nhập, tự do hóa tài chính ngày càng sâu rộng. Những khó khăn trong tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và xử lý nợ xấu thiếu bền vững đòi hỏi Việt Nam phải tham khảo kinh nghiệm các nước đi trước trong xử lý nợ xấu để điều chỉnh các cơ chế, chính sách xử lý nợ xấu của mình. Trong các nước trên thế giới, một số nước Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc có những thành công và thất bại trong xử lý nợ xấu mà Việt Nam có thể tham khảo do các nước này có nhiều điểm tương đồng về cấu trúc hệ thống tài chính và các nguyên nhân gây nợ. Nhật Bản với các đặc điểm nổi bật của hệ thống ngân hàng như: Ngân hàng là cơ sở của toàn bộ hệ thống tài chính, các ngân hàng hay thị trường vốn gián tiếp là nguồn cung cấp vốn chủ yếu cho các công ty và cho sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản; hệ thống ngân hàng mang tính khép kín và hướng nội; sự can thiệp mang tính bảo hộ của chính phủ đối với hệ thống ngân hàng cộng với việc coi trọng những ràng buộc nhóm và các quan hệ giữa doanh nghiệp với ngân hàng, quan hệ gia đình, quan hệ “cánh hẩu”... trong nền kinh tế Nhật Bản đã khiến cho các quyết định cho vay của các ngân hàng không phải lúc nào cũng được dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro một cách cẩn trọng. Đối với Hàn Quốc, hệ lụy nhất định từ các Chaebol, cụ thể là sự tài trợ quá mức của

ngân hàng dành cho các tập đoàn khổng lồ; đồng thời với tình trạng lấy ngắn hạn cho vay dài hạn,... đã đẩy hệ thống ngân hàng Hàn Quốc phải đối đầu với khó khăn về nợ xấu. Đối với Trung Quốc, tín dụng ngân hàng cũng là kênh cấp vốn chính cho nền kinh tế; tốc độ tăng trưởng tín dụng “nóng”, cùng với việc các NHTM Trung Quốc sẵn sàng cấp vốn cho “cuộc chạy đua phát triển cơ sở hạ tầng” của chính quyền các địa phương. Và đặc biệt là những ảnh hưởng từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, theo đó, hoạt động của các NHTM nhà nước lớn chỉ như những cơ quan hành chính nhà nước, có nhiệm vụ cho vay theo chỉ định cho các công ty và dự án nhà nước vốn làm ăn kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ,... đã gây ra tình trạng khủng hoảng nợ xấu ở Trung Quốc. Những đặc điểm trong hệ thống ngân hàng ở các quốc gia Đông Á nêu trên có những nét tương đồng với Việt Nam, do đó nghiên cứu kinh nghiệm xử lý nợ xấu ở các nước này để rút ra bài học có tính khả thi khi áp dụng đối với Việt Nam.

Ở Việt Nam trong thời gian qua, nợ xấu ngân hàng luôn là vấn đề được Đảng, Chính phủ và cả hệ thống tài chính (HTTC) quan tâm với mục tiêu “phá tan cục máu đông” đang đe dọa gây “tắc nghẽn”, dẫn đến những bất ổn trong HTTC ngân hàng nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, việc xử lý nợ xấu ngân hàng và ngăn ngừa nợ xấu tiếp tục tăng cao ở nước ta thời gian qua còn chưa hiệu quả, còn rất nhiều vấn đề đặt ra như: Khung pháp lý cho xử lý nợ xấu; phát triển thị trường mua bán nợ; vai trò, hiệu quả của các công ty xử lý nợ xấu, nguồn lực xử lý nợ xấu... Đó chính là lý do tác giả lựa chọn đề tài: ***“Kinh nghiệm xử lý nợ xấu ngân hàng của một số nước Đông Á và bài học cho Việt Nam”***. Đây sẽ là một nghiên cứu toàn diện về kinh nghiệm xử lý nợ xấu ngân hàng tại một số quốc gia điển hình trong khu vực, từ đó đưa ra định hướng giải pháp cho Việt Nam trong thời gian tới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn về xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại (NHTM), luận án nghiên cứu một cách có hệ thống thực trạng, nguyên nhân nợ xấu, biện pháp và kết quả xử lý nợ xấu của NHTM ở một số nước Đông Á, và rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đồng thời, từ phân tích thực trạng nợ xấu và xử lý nợ xấu NHTM Việt Nam, luận án đã đề xuất một số giải pháp nhằm vận dụng các bài học đó vào việc xử lý nợ xấu của NHTM ở Việt Nam hiện nay

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án tập trung vào thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Hệ thống hóa và xây dựng khung lý thuyết cơ bản về nợ xấu và xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại; nghiên cứu hai mô hình xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại cơ bản với điển hình một số nước trên thế giới và rút ra bài học kinh nghiệm.

- Nghiên cứu thực trạng, cách thức xử lý nợ xấu của NHTM cùng những kết quả đạt được trong việc xử lý nợ xấu NHTM ở 3 nước Đông Á: Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

- Phân tích thực trạng xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại ở Việt Nam thời gian qua, chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất các giải pháp xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại ở Việt Nam trong thời gian tới trên cơ sở học tập, vận dụng các bài học kinh nghiệm xử lý nợ xấu của Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại ở ba nước Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) và thực tiễn xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

3.2.1. *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu kinh nghiệm xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại ở ba nước Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) dựa trên việc làm rõ thực trạng, nguyên nhân, biện pháp xử lý nợ xấu ngân hàng thương mại của các quốc gia này; so sánh rút ra bài học kinh nghiệm; đồng thời luận án nghiên cứu thực trạng, những biện pháp xử lý nợ xấu NHTM mà Việt Nam đã áp dụng, nguyên nhân nợ xấu và những hạn chế trong xử lý nợ xấu ở Việt Nam; trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp cho Việt Nam trong quá trình xử lý nợ xấu NHTM, góp phần vào sự phát triển ổn định và bền vững của hệ thống ngân hàng ở nước ta.

Luận án nghiên cứu phạm vi nội dung trên dưới giác độ vĩ mô.

3.2.2. *Về không gian*: Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam.

3.2.3. *Về thời gian*: Luận án nghiên cứu tình hình nợ xấu và xử lý nợ xấu, kinh nghiệm xử lý nợ xấu NHTM tại Hàn Quốc giai đoạn từ sau khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997-1998 đến năm 2005; Trung Quốc từ 1990 đến 2015; Nhật Bản trong những năm đầu thập niên 1990 và Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 trở lại đây.

4. Phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nghiên cứu các vấn đề

kinh tế - xã hội, lấy định hướng phát triển hệ thống tài chính, ngân hàng nói riêng để làm cơ sở và định hướng nghiên cứu.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp thu thập thông tin dữ liệu

Nghiên cứu sinh nghiên cứu cơ sở lý thuyết và thực tiễn từ sách giáo trình, sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu các cấp, bài báo khoa học; Số liệu sơ cấp, thứ cấp từ NHNN, các ngân hàng thương mại Việt Nam; Tài liệu dịch, tài liệu hội thảo khoa học về xử lý nợ xấu ngân hàng ở một số nước Đông Á; Một số cơ sở dữ liệu khoa học: Ebscohosts; lhtv.vista.vn; Portal.igpublish.com; ProQuest; Science Direct; Bankscope.

Nghiên cứu công tác xử lý nợ xấu ngân hàng của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) với bộ dữ liệu thứ cấp trên Báo cáo thường niên, dữ liệu từ Bankscope. Ngoài ra, nghiên cứu sinh thu thập số liệu từ Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của một số ngân hàng thương mại Việt Nam để đánh giá thực trạng và công tác xử lý nợ xấu ngân hàng của Việt Nam.

- Phương pháp xử lý thông tin dữ liệu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp trừu tượng khoa học, quy nạp và diễn dịch, phân tích và tổng hợp, thống kê, so sánh; kết hợp với việc minh họa bằng bảng, hình cho vấn đề nghiên cứu trở nên trực quan hơn.

- Phương pháp phân tích thông qua các chỉ tiêu tài chính

Luận án sử dụng phương pháp phân tích các chỉ tiêu tài chính để đánh giá qui mô thực trạng nợ xấu ngân hàng của từng quốc gia nghiên cứu trong các giai đoạn cụ thể; đồng thời so sánh kết quả xử lý nợ xấu của các quốc gia sau khi áp dụng các phương pháp xử lý nợ xấu; từ đó rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.

- Phương pháp phỏng vấn chuyên gia

Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính - phỏng vấn sâu chuyên gia để kiểm tra và sàng lọc, đưa ra những nhận định, đánh giá có giá trị cao hơn về các nội dung trình bày trong luận án. Đánh giá thực trạng và công tác xử lý nợ xấu ngân hàng ở Việt Nam; bổ sung cho đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu ngân hàng.

Đối tượng phỏng vấn: Đối tượng tham gia phỏng vấn là những chuyên gia kinh tế, những người có kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, bao gồm: Lãnh đạo Viện Kinh tế Việt Nam; giảng viên đang giảng dạy chuyên ngành tài chính ngân hàng ở Học viện Tài chính Việt Nam (*Phụ lục 02*).

Phương thức ghi nhận thông tin: Người phỏng vấn chuyên Thu phỏng vấn cho Người được phỏng vấn và tiến hành phỏng vấn (*Phụ lục 01*). Nội dung cuộc phỏng vấn ghi âm dưới sự đồng ý của Người được phỏng vấn, đồng thời được ghi chép đầy đủ làm căn cứ để phân tích, đánh giá, phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Khai thác và sử dụng thông tin: Dữ liệu thông tin từ cuộc phỏng vấn được chuyển thể về dạng file word. Việc gỡ băng ghi âm được thực hiện hai lần với mỗi băng ghi âm để đảm bảo “sao chép” đầy đủ thông tin từ băng ghi âm sang dữ liệu chữ. Các dữ liệu này được tập hợp thành file trong folder dữ liệu định tính. Tiếp theo, dữ liệu được sàng lọc, phân tích, tổng hợp sử dụng trong một số nội dung của luận án.

Thời gian phỏng vấn: Từ 60 phút đến 90 phút.

Các câu hỏi dạng mở được thực hiện theo chủ đề, tập trung trả lời câu hỏi “như thế nào?”, “tại sao?” và bám sát những nội dung sau: (Phụ lục 03)

Kết quả nghiên cứu rút ra không chỉ dựa vào việc tổng hợp các ý kiến của người được phỏng vấn theo từng nội dung cụ thể mà còn

được tập hợp thành quan điểm chung, sau đó được tổng hợp so sánh với kết quả phân tích định tính qua các chỉ tiêu tài chính và kết quả xử lý thông tin dữ liệu (*Phụ lục 04*).

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án có những đóng góp mới về khoa học chủ yếu sau:

Một là: Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn xử lý nợ xấu NHTM theo đồng thời các lát cắt về: (1) Tổ chức xử lý nợ; (2) cơ chế, cách thức xử lý nợ và ngăn ngừa nợ xấu phát sinh; và (3) biện pháp khác trên cơ sở phân tích/soi chiếu các nguyên nhân phát sinh nợ xấu.

Hai là: Luận án đã phân tích, đánh giá và so sánh nguyên nhân, thực trạng, cách thức và kết quả xử lý nợ xấu của NHTM ở các nước: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Làm rõ sự khác nhau từ trong nguyên nhân phát sinh nợ xấu giữa các nước; đặc biệt là sự khác nhau trong cấu trúc nền kinh tế, trong đặc điểm hệ thống chính trị, văn hóa, sự tác động của khủng hoảng, bối cảnh quốc tế,... trong đó có các yếu tố vừa là nguyên nhân đồng thời là điều kiện trong xử lý nợ xấu của NHTM ở ba nước Đông Á. Dựa trên các tài liệu, số liệu thu thập được và bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học, luận án đã làm rõ việc các nước Đông Á tác động như thế nào (cách thức, mức độ tác động) đến các nguyên nhân, điều kiện ảnh hưởng đến kết quả xử lý nợ xấu ngân hàng của họ; trên cơ sở đó rút ra bài học cho Việt Nam.

Ba là: Luận án đã phân tích, đánh giá thực tiễn xử lý nợ xấu NHTM ở Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 trở lại đây theo các lát cắt nhất quán đã hệ thống và phân tích về lý luận và thực tiễn xử lý nợ xấu NHTM. Theo đó, luận án chỉ rõ thực trạng nợ xấu và những biện pháp xử lý nợ xấu NHTM mà chúng ta đã áp dụng, kết quả của những biện pháp đó; nguyên nhân làm phát sinh nợ xấu và

nguyên nhân khiến cho các biện pháp xử lý nợ xấu đã áp dụng chưa đem đến hiệu quả như mong muốn. Trong đó, luận án tập trung vào các yếu tố cấu trúc nền kinh tế, đặc điểm chính trị, sự độc lập cần thiết của ngân hàng nhà nước... vừa là nguyên nhân, đồng thời là điều kiện trong xử lý nợ xấu NHTM Việt Nam. Trên cơ sở đó, cùng với việc vận dụng các bài học kinh nghiệm xử lý nợ xấu NHTM của các nước Đông Á, và kết hợp với sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia, luận án đã đề xuất những giải pháp xử lý nợ xấu của NHTM cho Việt Nam trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- *Về mặt lý luận*, luận án đã hệ thống và làm rõ những cách tiếp cận khác nhau về nợ xấu ngân hàng thương mại; làm rõ mối quan hệ giữa những nguyên tắc, biện pháp xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại với các nguyên nhân làm phát sinh nợ xấu. Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ có giá trị tham khảo về cơ sở lý luận cho những nhà nghiên cứu quan tâm đến vấn đề xử lý nợ xấu NHTM của các nước Đông Á và Việt Nam.

- *Về mặt thực tiễn*, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống tài chính, ngân hàng nói riêng đang phải đối mặt với rất nhiều nguy cơ do nợ xấu của NHTM ngày càng trầm trọng gây ra; trong khi đó, rất nhiều các biện pháp xử lý nợ xấu đã được áp dụng nhưng hiệu quả không cao. Kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa về mặt thực tiễn trong việc nhìn nhận về thực trạng nợ xấu của NHTM, xác định nguyên nhân làm phát sinh nợ xấu trong thực tế và những điều kiện cần thiết để những biện pháp xử lý nợ xấu có thể đem lại hiệu quả ở nước ta. Luận án có thể được tham khảo làm cơ sở ứng dụng để các cơ quan chức năng liên quan, các nhà hoạch định chính sách trong quá trình nghiên cứu đề ra các chính sách hỗ trợ và thúc đẩy quá trình xử lý nợ xấu NHTM ở Việt Nam.